

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quốc Linh; bà Nguyễn Thị Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký TAND huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên Tòa: Bà Phan Thị Phương Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/07/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X; Sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT: Thoon T, xã S, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Thái Hữu D, sinh năm: 1985; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã S, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Hữu H, sinh năm 1959; bà Trần Thị Ch, sinh năm 1961. Điều đăng ký HKTT tại Thôn T, xã S, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Điều vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Thái Hữu D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 13/7/2011. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Mặc dù hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Thái Hữu D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Cháu Thái Hữu T, sinh ngày 15/9/2013 và cháu Thái Hữu T1, sinh ngày 24/5/2018. Từ khi sinh đến tháng 9/2021 thì hai cháu sống cùng Chị X, anh D. Sau đó hai cháu về ở với ông bà nội. Nếu được ly hôn, Chị X có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000đ. Nếu không được

nuôi cả hai cháu thì yêu cầu được nuôi cháu Thái Hữu T, sinh ngày 24/5/2018 và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Thái Hữu D trình bày:

Anh và Chị X tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2011 (âm lịch) tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Hai vợ chồng cưới nhau đã 11 năm nhưng năm nào cũng xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay Chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng anh D chỉ đồng ý ly hôn nếu Chị X đồng ý để anh D nuôi cả hai con chung.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Thái Hữu T1, sinh ngày 15/9/2013 và cháu Thái Hữu T, sinh ngày 24/5/2018. Từ trước đến khi Chị X bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì hai vợ chồng nuôi con, từ khi Chị X bỏ đi đến nay thì anh D trực tiếp nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh D có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu Chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có một miếng đất ở Thạch Hà và có cho cậu của vợ vay 60 hay 70 triệu. Đề nghị Tòa án giải quyết rõ ràng để cho con.

Ông Thái Hữu H, bà Trần Thị Chtrình bày:

Việc Chị X yêu cầu ly hôn với anh D ông bà không có ý kiến gì. Nếu vợ chồng Chị X, anh D ly hôn thì ông bà có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc hai cháu (Thái Hữu T1 và Thái Hữu T) vì từ nhỏ đến nay, hai cháu ở với vợ chồng ông H, bà Ch. Từ tháng 3/2022 đến nay, anh D đi làm thợ cơ khí tại miền Nam, còn địa chỉ cụ thể ông bà không biết. Từ khi đi đến tháng 7/2022, anh D đã gửi về 12 triệu để nhờ ông bà nuôi hai cháu. Ông H, bà Ch đồng ý chăm sóc hai cháu trong thời gian anh D không có mặt ở nhà. Từ tháng 7/2021 đến nay, Chị X bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không chu cấp gì để ông bà nuôi hai cháu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Thái Hữu D đăng ký thường trú tại Thôn T, xã S, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Từ tháng 3/2022, anh Thái Hữu D không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh D vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chị Nguyễn Thị X, ông Thái Hữu H, bà Trần Thị Ch đều có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Thái Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị X và anh Thái Hữu D đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 13/7/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Từ năm 2013, Chị X, anh D phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 9/2021, Chị X đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng Chị X, anh Diên không còn sống chung với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Anh D không đồng ý với Chị X vì Chị X yêu cầu được nuôi hai con chung, nên Chị X đồng ý cho anh D được nuôi cả hai con chung thì anh D đồng ý ly hôn. Mặt khác, tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh Diên vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án để bày tỏ ý kiến nguyện vọng của bản thân, đi khỏi địa phương cũng không thông báo cho chị Xuân và Tòa án về địa chỉ cư trú mới. Điều này thể hiện anh Diên có thái độ bỏ mặc, không cố gắng gìn giữ, hàn gắn hạnh phúc, đoàn tụ gia đình. Do đó có căn cứ để khẳng định tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị X là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị X và anh D có hai con chung là cháu Thái Hữu T1, sinh ngày 15/9/2013 và cháu Thái Hữu T, sinh ngày 24/5/2018. Anh D và Chị X đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Cháu Thái Hữu T1 có nguyện vọng được ở với anh D. Anh D hiện nay đang đi làm, không có mặt tại địa phương nhưng từ nhỏ đến nay, cháu T, cháu T1 sống chung nhà với ông Thái Hữu H và bà Trần Thị Ch (là bố mẹ anh D), ông H, bà Ch có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc các cháu trong thời gian anh D vắng mặt. Ông H, bà Ch xác nhận hàng tháng anh D đều gửi tiền về để nhờ ông bà chăm sóc hai cháu. Chị Nguyễn Thị X có mặt ở địa phương, có thu nhập ổn định. Từ các căn cứ trên và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX thấy cần giao cháu Thái Hữu T cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Thái Hữu T1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh D không có mặt ở nhà, tạm giao cháu Thái Hữu T1 cho ông Thái Hữu H, bà Trần Thị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X, anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này. Anh D trình bày có một số tài sản chung nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, HĐXX không xem xét về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271; khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 51; khoản 1 điều 56; điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 207; điểm a khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 271; khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X: Cho chị Nguyễn Thị X ly hôn với anh Thái Hữu D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Thái Hữu T - Sinh ngày: 15/9/2013 cho anh Thái Hữu D; giao cháu Thái Hữu T1 - Sinh ngày: 24/5/2018 cho chị Nguyễn Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có thay đổi về quyền nuôi con. Trong thời gian anh D vắng nhà, tạm giao cháu Thái Hữu T cho ông Thái Hữu H, bà Trần Thị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không cần thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị X đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0010774 ngày 08/2/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị X, anh Thái Hữu D, ông Thái Hữu H, bà Trần Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã S, huyện Can Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Tú

